TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2019
V/v xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: (Không)

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12năm 2018, về việc "xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng Ngân T, sinh năm 1997.
Địa chỉ: Ấp Long Hòa I, xã Long M, huyện Mnag Thít, tỉnh Vĩnh long.
2. *Bị đơn:* Ông Lê Đức A, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Ấp Long Hòa 1, xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn bà T trình bày: Nguyên đơn bà T với bị đơn ông Đức A cưới nhau vào năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu quen biết trước, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 02 tháng 8 năm 2016. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau, nên ly thân từ đầu năm 2019 đên nay. Vợ chồng có con chung là cháu Lê Hồng Lam A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016, hiên đang chung sống với vợ chồng.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Tuyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông Đức A.

Về con chung: Bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con , không yêu cau ông Đức A cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản không hòa giải được ngày 04 tháng 01 năm 2019 và bản ý kiến ngày 18/ 12/2018 thì bị đơn Lê Đức A trình bày:

Vê quan hệ vợ chồng, con chung như bà T trình bày là đúng. Nguyên nhân là ngày 27/9/2018 mẹ vợ đòi lại nữ trang nên từ đó bấc đồng quan điểm cự cải nhau nên bà Thao đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến nay.

Nay ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đức A đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Đức A yêu cầu tiếp tục nuôi con , không yêu cầu bà Thào cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nghị biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà Tuyền, nhưng ông Nghị vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28 tháng 9 năm 2018; ngày 20 tháng 12 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn bà T khởi kiện bị đơn ông Đức A là loại quan hệ trA chấp xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đức A có nơi cư trú tại huyện Mang Thít; do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông Đức A cưới nhau năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu quen biết trước, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long M, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 02 tháng 8 năm 2016 là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Xét, bà T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng khắc phục sữa nhưng không có kết quả. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đức A, ông Đức A đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà T với ông Đức A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đức A, ông Đức A đồng ý là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét, cháu Lê Hồng Lam A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016, hiên đang chung sống với anh Đức A.

Anh Đức A yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Hồng Lam A là phù hợp.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng; ông Nghị nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Hồng Ngân T;

1. Xử cho nguyên đơn bà Lê Hồng Ngân T được ly hôn với bị đơn ông Lê Đức A.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Lê Hồng Lam A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2016, cho anh Đức A tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh

Long, lai số: Nº 0006761, ngày 05 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn bà T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Long M;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

đã ký

Bùi Hồng Phúc